**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN B**
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS -ST
Ngày: 07/3/2018
*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

# NHÂN DANH
# N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Ngọc Lâm
*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Trung Thành
2. Ông Phạm **D** Hoàn.
***- Th- ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện **B**.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B*** *tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Thúy - KSV.

Hôm nay ngày 07/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **B** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLST-DS ngày 13/11/2017 về việc*: Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 23/01/2018 giữa các đ- ơng sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng **A**.
Địa chỉ: Số 169, Phố **G**, **H**, **I**, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Dương Quyết **C** – Tổng Giám đốc Ngân hàng **A**.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Lê Minh **D** – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B**, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ: Phố **F** - Thị trấn **B**, huyện **B**, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Bị đơn**: Ông Lương Minh **E** – Sinh năm 1969
Địa chỉ: Làng **K**, xã **L**, huyện **B**, tỉnh Thanh Hóa.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
Chị Lường Thị **M** – Sinh năm 1989
Địa chỉ: Làng **K**, xã **L**, huyện **B**, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông **D**, ông **E**, vắng mặt chị **M**.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 30/10/2017 và bản tự khai người đại diện của nguyên đơn trình bày*:

Trong năm 2011 Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** cho anh Lương Minh **E** vay tổng số tiền là 14.500.000đ theo khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011. Thời hạn vay là 48 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/4/2015,

lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Lý do cho anh **E** vay tiền là vay theo đối tượng chi phí học tập cho sinh viên Lường Thị **M**.

Sau khi vay anh **E** đã thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** số tiền 10.500.000đ, đến hạn cuối cùng anh **E** còn nợ 4.000.000đ. Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** đã yêu cầu anh Lương Minh **E** trả nợ, nhưng anh **E** đã dây dưa không chịu trả và cũng không nhận nợ. Do đó Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** đã chuyển số tiền 4.000.000đ sang nợ quá hạn. Phòng giao dịch đã nhiều lần làm việc và thông báo yêu cầu anh **E** trả nợ, nhưng anh **E** không thực hiện.

Vì vậy Ngân hàng **A** khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lương Minh **E** phải trả cho Ngân hàng **A** số tiền gốc theo khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011 là 4.000.000đ, lãi suất còn nợ tính đến ngày 07/3/2018 là 1.323.073đ. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là 5.323.073đ.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn ông Lương Minh **E** trình bày:*

Ông thống nhất như ý kiện của đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** về thời gian ký kết hợp đồng, số tiền vay cụ thể như sau: ngày 20/04/2011 là 4.500.000 đồng; lần 2 ngày 20/12/2011 là 5.000.000 đồng; lần 3 ngày 20/03/2012 là 5.000.000 đồng. Tổng là 14.500.000 đồng, mục đích vay, lãi suất và vay tín chấp của tổ TK&VV. Hội phụ nữ, UBND xã **L**.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông nại đã trả hết toàn bộ số nợ vay cho Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B**. Việc trả nợ thể hiện như trong sổ vay vốn mà ông đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng **A** là buộc ông trả số tiền cả gốc và lãi là 5.323.073đ. Ông đã trả hết toàn bộ số nợ, nên nay ông không có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng **A**.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lường Thị **M** trình bày:*

Chị thống nhất như ý kiến của bố đẻ chị là ông Lương Minh **E** về thời gian ký kết hợp đồng, số tiền vay cụ thể như sau: ngày 20/04/2011 là 4.500.000 đồng; lần 2 ngày 20/12/2011 là 5.000.000 đồng; lần 3 ngày 20/03/2012 là 5.000.000 đồng. Tổng là 14.500.000 đồng, mục đích vay, lãi suất và vay tín chấp của tổ TK&VV. Hội phụ nữ, UBND xã **L**. Mục đích vay là cho chị đi học.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bố chị đã trả hết toàn bộ số nợ vay với Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B**, nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng **A**.

*Đối với chị Lường Thị **M**:* Tại đơn khởi kiện Ngân hàng **A** có đưa chị **M** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng xin rút và không đưa chị **M** vào tham gia tố tụng, mà yêu cầu ông Lương Minh **E** – bố đẻ chị **M** phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của Ngân Hàng **A**.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ-ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ-ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị

HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng **A**.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Ngân hàng **A** vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định*:

**[1]Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị **M** đã đ- ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh- ng vắng mặt, đại diện Ngân hàng **A** rút người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông **E** phải trả nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Theo khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người vay là Lường Minh **E**, tại Chứng minh nhân dân của ông **E** có họ tên là Lương Minh **E**. Tại phiên tòa, ông **E** và đại diện Ngân hàng khẳng định tên Lường Minh **E** và Lương Minh **E** là 01 người.

**[2]*Xét quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng .

Theo khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** với ông Lương Minh **E**; Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** cho ông **E** vay với tổng số tiền 14.500.000.000đ với mục đích vay là vay theo đối tượng chi phí học tập cho sinh viên Lường Thị **M**. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy khi phát sinh tranh chấp Tòa án nhân dân huyện **B** giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

Xét khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011. Nội dung các điều khoản trong khế ước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên được Nhà nước cho phép. Sau khi ký kết ông **E** vay với số tiền 14.500.000.000đ, để chi phí học tập cho sinh viên Lường Thị **M**, thời hạn vay là 48 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/4/2015, lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay.

Tại khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011 đã quy định về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn trả nợ gốc. Như vậy việc yêu cầu lãi suất của Nguyên đơn dựa trên sự thỏa thuận của các bên khi ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thống nhất về khoản nợ gốc 14.500.000đ, nhưng ông **E** nại đã thanh toán hết số tiền trên cho Phòng giao dịch nên ông không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng **A**; Ngân hàng **A** đã cung cấp 02 phiếu giao dịch thể hiện việc ông **E** đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B** tổng số tiền gốc là 10.500.000đ cụ thể: Phiếu giao dịch ngày

20/8/2014 số tiền là 4.000.000đ, phiếu giao dịch ngày 20/9/2014 số tiền là 6.500.000đ; ông **E** và chị An có cung cấp một sổ vay vốn, trong sổ vay vốn cũng đã thể hiện ông **E** 02 lần trả nợ như trên cho Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B**, không thể hiện việc ông **E** đã trả hết số tiền 4.000.000đ nợ gốc cho Phòng giao dịch Ngân hàng **A** huyện **B**. Như vậy lời nại của ông **E**, chị An không có đủ cơ sở để chấp nhận; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng **A**, buộc ông **E** liên đới trả cho Ngân hàng **A** số tiền gốc là 4.000.000đ, lãi suất còn nợ tính đến ngày 07/3/2018 là 1.323.073đ. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là 5.323.073đ.

**[3]Về án phí**: Ông Lương Minh **E** phải chịu án phí DSST đối với khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng **A** theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng **A** khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án.

***Vì những lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng,Thông tư số 12/2010 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng **A** .

1. Buộc ông Lương Minh **E** phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng **A** số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/3/2018 là: 5.323.073đ(*Năm triệu ba trăm hai mươi ba nghin không trăm bảy ba đồng*). Trong đó nợ gốc là: 4.000.000đ, lãi suất: 1.323.073đ.

Ông **E** tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2018 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo mức lãi suất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận tại khế ước nhận nợ số 6000002700305597 ngày 20/4/2011.

2. Về án phí: Ngân hàng **A** khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lương Minh **E** phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST.

*Ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**:
- *Các đ□ơng sự;*
- *VKS ND huyện **B**;*
- *Chi cục THA DS huyện **B**;*

*- TAND tỉnh Thanh hóa;*
*- L□u hồ sơ.*

**Lê Ngọc Lâm**